

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2024

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Khắc Dinh  
Ông Lê Quang Vinh

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mai Hồng Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá, tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Thanh L**, sinh năm: 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số nhà I, tổ A, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.**

Chỗ ở hiện tại: **1453 M, thành phố N, tỉnh Shiga Tòa nhà Koyo Mita II số 208, Nhật Bản.**

Người đại diện theo ủy quyền của chị **L** nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: **Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.**

(Theo Giấy ủy quyền ngày 13/10/2023).

2. Bị đơn: Anh **Trần Quang D**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: **Thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.**

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh B.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2023, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị **Vũ Thị Thanh L** trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị và anh **Trần Quang D** kết hôn với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2016, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm, gia đình thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi vã bất đồng trong quan điểm sống khiến mục đích hôn nhân không đạt được và sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Từ tháng 4/2017 đến nay, chị

sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Trong thời gian ly thân, vợ chồng chị không liên lạc với nhau, không quan tâm tới nhau.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Quang D.**

\* Bị đơn là anh **Trần Quang D** trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị **L** yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**. Anh không nhớ số, ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn, chỉ nhớ đám cưới vào ngày 26/02/2013 (âm lịch). Sau khi cưới vợ chồng anh hạnh phúc được khoảng 3 năm. Đến năm 2016, anh vào tỉnh Đồng Nai sinh sống, còn chị **L** vẫn ở quê sinh sống. Kể từ đó vợ chồng anh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, cả hai ít quan tâm, chia sẻ với nhau. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên do bất đồng quan điểm sống; trầm trọng nhất vào khoảng năm 2017; sau đó vợ chồng anh không liên lạc với nhau cho đến nay. Chị **L** có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị **L**.

2. Về con: Vợ chồng anh không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Vũ Thị Thanh L**, xử cho chị **L** được ly hôn anh **D**. Căn cứ các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chị **L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị **Vũ Thị Thanh L** là nguyên đơn đang cư trú tại Nhật Bản, bị đơn là anh **Trần Quang D** đăng ký hộ khẩu tại **huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị **Vũ Thị Thanh L** có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là anh **Trần Quang D** hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam tỉnh Bình Dương nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:



[2.1]. Về hôn nhân: Chị **Vũ Thị Thanh L** và anh **Trần Quang D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị **L** và anh **D** đều trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị **L** được ly hôn anh **D**. Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con: Không có con chung.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị **L** và anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị **L** là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **L** đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Vũ Thị Thanh L**.

- Về hôn nhân: Cho chị **Vũ Thị Thanh L** được ly hôn anh **Trần Quang D**.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị **Vũ Thị Thanh L** phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị **L** đã nộp theo Biên lai thu số 10 ngày 08/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo:

Anh **Trần Quang D** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị **Vũ Thị Thanh L** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quang Vinh Đầu Khắc Đình**

**Lê Thị Thủy**